**C4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

**1. CNTB Độc quyền:**

\*Tự do cạnh tranh 🡪 Tích tụ và Tập trung SX 🡪 Độc quyền (Lê nin)

\***Độc quyền là** sự liên minh các xí nghiệp lớn 🡪 nắm trong tay phần lớn việc SX, tiêu thụ 1 số loại hàng hóa 🡪 có khả năng **định ra giá cả độc quyền** 🡪 **thu lợi nhuận độc quyền**

\***Giá cả ĐQ**: là giá cả tổ chức ĐQ áp đặt khi mua và bán hàng hóa (ĐQ thấp khi mua, ĐQ cao khi bán); GCĐQ=CPSX+ Lợi nhuận ĐQ

\***Lợi nhuận ĐQ**: là lợi nhuận thu được cao hơn lợi nhuận bình quân 🡪 do sự thống trị của tổ chức ĐQ mang lại

\*ĐQ xuất hiện cuối TK 19, đầu TK 20, Lê nin là nhà kinh điển trong CN Mác nghiên cứu ĐQ

***\*Mối quan hệ ĐQ - cạnh tranh: Độc quyền sinh ra từ Tự do cạnh tranh 🡪 ĐQ không thủ tiêu được cạnh tranh 🡪 làm cạnh tranh gay gắt hơn***

**\*Có 3 loại cạnh tranh trong ĐQ:**

+ Cạnh tranh trong **nội bộ các tổ chức ĐQ**

+ Cạnh tranh giữa **các tổ chức ĐQ** với nhau

+ Cạnh tranh giữa **tổ chức ĐQ và Doanh nghiệp ngoài ĐQ**

***\*Lê nin chỉ ra 6 nguyên nhân hình thành ĐQ***

+ **LLSX phát triển** 🡪 thúc đẩy KHKT phát triển🡪 NSLĐ tăng 🡪 GTTD tăng 🡪 tích lũy tư bản tăng 🡪 tăng tích tụ tư bản

+ **Thành tựu khoa học cuối TK 19** 🡪 ngành mới, vốn lớn🡪 liên kết tư bản 🡪 Tập trung SX, mở rộng quy mô

+ **Tác động của các quy luật kinh tế** 🡪 xã hội tư bản phát triển theo hướng Tập trung SX quy mô lớn

+**Cạnh tranh khốc liệt** 🡪các nhà tư bản phải cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô SX để thắng thế cạnh tranh

+**Khủng hoảng kinh tế** (1873) 🡪 phá sản hàng loạt xí nghiệp vừa và nhỏ 🡪 thúc đẩy Tích tụ, TTSX

+ **Phát triển tín dụng, ngân hàng** 🡪 đòn bẩy mở rộng SX🡪 hình thành cty cổ phần, vốn lớn

**\* 5 Đặc điểm của ĐQ trong CNTB:**

***- Tập trung SX 🡪 hình thành các tổ chức ĐQ***

🡪 TTSX là tăng quy mô tư bản SX bằng cách kết hợp nhiều xí nghiệp nhỏ thành xí nghiệp lớn

🡪KHKT phát triển + cạnh tranh gay gắt, khủng hoảng kinh tế 🡪 các nhà tư bản đều phải tập trung SX, mở rộng quy mô

🡪TTSX 🡪 còn lại một số xí nghiệp lớn + quy mô xí nghiệp lớn, khó dịch chuyển tư bản 🡪 các nhà tư bản dễ dàng thỏa hiệp, liên kết 🡪 tổ chức độc quyền

🡪Các hình thức tổ chức ĐQ:

+ Cacten: thỏa thuận giá cả, thị trường, sản lượng 🡪 nhưng **độc lập SX và Độc lập Lưu thông**

+ Xanhđica: Thành lập Ban quản trị đảm nhận lưu thông 🡪 **Độc lập SX, không độc lập Lưu thông**

+ Tờ rớt: Thành lập **BQT đảm nhận cả SX và lưu thông** 🡪 tư bản góp vốn 🡪 **hình thành công ty cổ phần**

+ Congxoocxiom: **Liên kết dọc, đa ngành 🡪 có liên quan về kinh tế và kỹ thuật**

+ Conson: liên kết dọc, hàng trăm xí nghiệp, đa ngành nghề, ở nhiều quốc gia🡪 lấy ngành lợi nhuận cao nuôi ngành lợi thuận thấp, hạn chế rủi ro phá sản khi làm 1 ngành

+ Coonglomerat: liên kết vài ba chục xí nghiệp **không liên quan SX và dịch vụ SX** 🡪 kinh doanh tài chính

***-Tư bản tài chính***: là sự thâm nhập lẫn nhau giữa ĐQCN và ĐQNH

+ĐQNH hình thành do cạnh tranh 🡪 ngân hàng nhỏ phá sản 🡪 liên kết nhau 🡪 ĐQ ngân hàng

+Vai trò ngân hàng: cũ (trung gian thanh toán – tín dụng); vai trò mới (thâm nhập vào tổ chức ĐQCN bằng cách trực tiếp đầu tư vào công nghiệp 🡪để kiểm soát, giám sát hoạt động của ĐQCN)

+Đứng đầu TBTC là đầu sỏ tài chính (tài phiệt) 🡪 chi phối toàn bộ đời sống KT – CT -XH 🡪 bằng thủ đoạn: “chế độ tham dự”; Lập cty mới, phát hành trái khoán, đầu cơ chứng khoán, đầu cơ ruộng đất, thành lập cty đa và xuyên quốc gia 🡪 giai đoạn sau này áp dụng thêm “chế độ ủy nhiệm”

***- Xuất khẩu tư bản***: xuất khẩu giá trị ra nước ngoài 🡪 nhằm thu được giá trị thặng dư và nguồn lợi nhuận khác của nước Nhập khẩu tư bản

+Nguyên nhân XKTB: nước phát triển tích lũy nhiều tư bản 🡪 thừa tư bản tương đối; nước nghèo thiếu tư bản để phát triển kinh tế

+ Xét theo phương thức đầu tư: Đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp

+Xét theo chủ sở hữu: XKTB Nhà nước và XKTB tư nhân

* XKTBNN: về KT: hướng ngành thuộc kết cấu hạ tầng 🡪 tạo điều kiện cho tư bản tư nhân phát triển🡪 yêu cầu chính sách có lợi cho tư bản tư nhân🡪 về Ctri: Duy trì chủ nghĩa thực dân mới, từ lệ thuộc kinh tế đến lệ thuộc CT 🡪 Về quân sự: đòi đưa quân tham chiến, đặt căn cứ quân sự ở nước NKTB
* XKTBTN: hướng ngành chu chuyển vốn nhanh 🡪 thu lợi nhuận độc quyền cao

***-Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức ĐQ:***

Tích lũy, tích tụ tư bản ngày càng cao 🡪 khối lương tư bản thừa càng nhiều 🡪 nhu cầu xuất khẩu tư bản (đầu tư) của các tổ chức ĐQ ngày cang cao 🡪 Cạnh tranh giữa các tổ chức ĐQ 🡪liên kết 🡪 hình thành tổ chức ĐQ quốc tế 🡪 phân chia thế giới về kinh tế 🡪 thực chất là phân chia về thị trường tiêu thụ và đầu tư có lợi

***-Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc tư bản:***

Do nguyên liệu thiếu thốn 🡪 cạnh tranh gay gắt trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới 🡪 chiến tranh xâm chiếm thuộc địa 🡪 phân chia về lãnh thổ 🡪 không đồng đều (Anh nhiều thuộc địa nhất,…0 🡪 chiến tranh thế giới 🡪 sau này chiến tranh thương mại,….

**2. CNTBĐQ Nhà nước:**

***\* Nguyên nhân hình thành và phát triển:***

CNTBĐQ phát triển 🡪 tất yếu hình thành CNTBĐQNN vì:

* LLSX phát triển 🡪cơ câu kinh tế lớn🡪 cần QHSX TBCN phù hợp để quản lý từ 1 trung tâm 🡪 Nhà nước tư sản
* Phân công LĐ phát triển 🡪 ngành nghề mới ra đời 🡪 tư nhân kh muốn làm 🡪 Nhà nước làm
* CNTB phát triển 🡪 mâu thuẫn giai cấp TS-VS gay gắt 🡪 Nhà nước xoa dịu bằng chính sách
* Xu hướng quốc tế hóa kinh tế (phát triển kinh tế ra nước ngoài) 🡪 mâu thuẫn giũa các tổ chức ĐQ quốc tế 🡪 Nhà nước can thiệp

***\*Bản chất của ĐQ Nhà nước trong CNTB:***

CNTBĐQNN = Sức mạnh ĐQ tư nhân + Sức mạnh Nhà nước tư sản 🡪 có mỗi quan hệ cả KT – CT – XH

Vai trò CNTBĐQNN: SX, kinh doanh, bóc lột GTTD như 1 nhà tư bản + Quản lý, điều tiết, trấn áp xã hội, nền kinh tế bằng công cụ (chính sách, thuế, công an, quân đội, vũ khí,…)

***\*Biểu hiện của CNTBĐQNN:***

**- Kết hợp về nhân sự**: Sự thâm nhập lẫn nhau giữa: Tổ chức Độc quyền – Đảng phái chính trị - Nhà nước tư sản

**- Hình thành sở hữu ĐQ nhà nước**:

🡪 Là sở hữu tập thể của giai cấp tư sản ĐQ 🡪 nhằm duy trì sự tồn tại của CNTB

🡪 SH Nhà nước: Động sản, Bất ĐS, xí nghiệp nhà nước (y tế, giáo dục, giao thông,…), ngân sách NN

🡪 SHNN hình thành: xây xí nghiệp bằng ngân sách, mua lại xí nghiệp tư nhân, mở rộng XN nhà nước bằng vốn tư nhân,…

🡪 Chức năng SHNN: mở rộng SX TBCN (cả ngành mới, vốn cao) 🡪 giải phóng tư bản từ ngành ít lãi sang ngành lãi cao🡪 làm chỗ dựa cho NN khi phục vụ lợi ích của tầng lớp TB độc quyền

**- Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản**:

🡪Mục đích: hướng dẫn, kiểm soát, uốn nắn lệch lạc của nền kinh tế 🡪 ổn định KT- XH cho ĐQ tư nhân hoạt động

🡪Cơ chế: vận hành theo quy luật thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước tư sản (phục vụ lợi ích của ĐQ tư nhân)

🡪 bộ máy điều tiết: Bộ máy nhà nước, chính sách kinh tế

🡪 Công cụ điều tiết: kế hoạch, pháp luật, chính sách, thuế, giá cả, ngân hàng,…

***\* Vai trò lịch sử của CNTB:***

- Tích cực: Xã hội hóa sản xuất 🡪 chuyển nền SX nhỏ lên SX lớn, hiện đại 🡪 Thúc đẩy LLSX phát triển

- Hạn chế: Phân hóa giàu nghèo sâu sắc 🡪 nguyên nhân châm ngòi chiến tranh 🡪 mục đích phục vụ lợi ích giai cấp tư sản (thiểu số) chứ không phải lợi ích của quần chúng nhân dân LĐ (đại đa số)

***\*Xu hướng vận động***: CNTB không tồn tại vĩnh viễn 🡪 nhất định sẽ bị thay thế bằng hình thái KT – XH Cộng sản chủ nghĩa